

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên**

Triển khai thực hiện Quyết định số 1000/QĐ-BNV ngày 14/11/2019 của Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Kế hoạch đo lường mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019 - 2020. Trên cơ sở đề nghị của Sở Nội vụ, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên cụ thể như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

Việc xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) năm 2019 là cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC nói riêng và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ nói chung của các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên. Đây là căn cứ triển khai đồng bộ, thống nhất các giải pháp đẩy mạnh công tác CCHC năm 2020 và các năm tiếp theo của tỉnh Thái Nguyên.

##### **2. Yêu cầu**

Thực hiện đầy đủ các tiêu chí đánh giá của Chỉ số CCHC được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt.

Các phương pháp tính toán, đo lường phải chính xác và đảm bảo tính khoa học; số liệu thống kê rõ ràng, thông tin có độ tin cậy và chính xác cao.

Việc tự chấm điểm của các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện đảm bảo trung thực, chính xác, đúng quy định.

Tổ chức điều tra xã hội học theo từng nhóm đối tượng khảo sát, bảo đảm khách quan, phù hợp với điều kiện thực tế.

#### **II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

##### **1. Giao Sở Nội vụ chủ trì:**

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xếp hạng công tác CCHC và Chỉ số CCHC năm 2019 thay thế Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Thời gian xong **trước ngày 30/11/2019**.

- Hướng dẫn các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng báo cáo tự đánh giá chấm điểm công tác CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương. Thời gian xong **trước ngày 05/12/2019**.

- Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức điều tra xã hội học xác định Chỉ số CCHC năm 2019 của các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện. Thời gian hoàn thành **trước ngày 15/12/2019**.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định báo cáo tự chấm điểm của các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện. Thời gian xong **trước ngày 10/12/2019**.

- Tổ chức thẩm định Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Thời gian hoàn thành **trước ngày 31/12/2019**.

- Tham mưu UBND tỉnh công bố kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2019. Thời gian hoàn thành **trước ngày 31/01/2020**.

## 2. Các Sở, Ban, ngành:

- Lập danh sách đối tượng tham gia điều tra xã hội học theo quy định tại phụ lục số I, III, VI kèm theo Kế hoạch này, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp. Thời gian hoàn thành **trước ngày 30/11/2019**.

- Xây dựng Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC và gửi kèm tài liệu kiểm chứng theo quy định. Thời gian xong **trước ngày 20/12/2019**.

## 4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

- Lập danh sách đối tượng tham gia điều tra xã hội học theo quy định tại phụ lục số II, VII kèm theo Kế hoạch này, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp. Thời gian hoàn thành **trước ngày 30/11/2019**.

- Xây dựng Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC và gửi kèm tài liệu kiểm chứng theo quy định. Thời gian xong **trước ngày 20/12/2019**.

5. Đề nghị Văn phòng HĐND tỉnh cung cấp danh sách Thường trực HĐND tỉnh và các vị đại biểu HĐND tỉnh khóa XII theo phụ lục số IV, VII kèm theo Kế hoạch này, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp. Thời gian hoàn thành **trước ngày 30/11/2019**.

6. Đề nghị Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh cung cấp danh sách hội viên theo quy định tại phụ lục số V, VII kèm theo Kế hoạch này, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp. Thời gian hoàn thành **trước ngày 30/11/2019**.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh kiểm tra, giám sát toàn bộ quá trình đánh giá, chấm điểm, thẩm định Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện và việc thực hiện điều tra xã hội học đảm bảo tính khách quan, trung thực, chính xác theo mục tiêu đề ra.

Trên đây là Kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2019. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị báo cáo, phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết. /

#### **Nơi nhận:**

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Xây dựng đảng thuộc TU;
- Liên Đoàn Lao động tỉnh;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- Đoàn TNCS HCM tỉnh;
- Hội Cựu chiến binh tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước tỉnh Thái Nguyên;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Báo TN, Đài PTTH tỉnh;
- LĐ VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT, huongnt.CCHC

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Quang Tiến**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 115 /KH-UBND ngày 15 / 11/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

**PHỤ LỤC I**

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐANG CÔNG TÁC TẠI SỞ**

Người lập:.....

Điện thoại :.....

Số TT	Họ và Tên	Chức vụ	Giới tính		Số điện thoại	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1						
2						
3						
4						
5						
6						

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**



**PHỤ LỤC III**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 185 /KH-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐÃ CÓ YÊU CẦU GIẢI QUYẾT TTHC VÀ ĐÃ ĐƯỢC TRẢ KẾT QUẢ**

(Yêu cầu cung cấp đầy đủ danh sách tổ chức, cá nhân đã đến cơ quan, đơn vị, địa phương để giải quyết thủ tục hành chính và được trả kết quả trong thời gian từ ngày 01/12/2018 đến hết ngày 30/11/2019)

Người lập:.....

Điện thoại:.....

Họ và tên cá nhân, tổ chức đã giải quyết TTHC và đã trả kết quả	Địa chỉ liên hệ	Tên lĩnh vực/thủ tục yêu cầu giải quyết	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả kết quả thực tế	Số điện thoại (ghi cụ thể)	Ghi chú

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

**\* Ghi chú:**

- Ghi rõ, chi tiết các nội dung theo từng cột đã nêu ở trong bảng. Đối với địa chỉ liên hệ, yêu cầu ghi rõ số nhà, ngõ, đường tổ dân phố (xóm, thôn), xã (phường, thị trấn), huyện, thành phố, thị xã.
- Số lượng danh sách tổ chức, cá nhân được phân bổ đối với các sở tại phụ lục VI của Công văn này.

**PHỤ LỤC IV**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 185 /KH-UBND ngày 25 / 11/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN  
VĂN PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH VÀ ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH**

Người lập:.....  
Điện thoại :.....

Số TT	Họ và Tên	Chức vụ	Cơ quan công tác	Giới tính		Số điện thoại	Ghi chú
				Nam	Nữ		
I	Thường trực HĐND tỉnh						
1							
2							
3							
....							
II	Đại biểu HĐND tỉnh						
1							
2							
3							

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

PHỤ LỤC V  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 185 /KH-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

**HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP  
TỈNH THÁI NGUYÊN**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH ĐẠI DIỆN HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN**

Người lập:.....  
Điện thoại :.....

Số TT	Họ và Tên	Chức vụ trong Hiệp hội	Chức vụ, địa chỉ cơ quan công tác	Giới tính		Số điện thoại	Ghi chú
				Nam	Nữ		
1							
2							
3							
4							
5							
6							
....							

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

**PHỤ LỤC VI**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: *135* /KH-UBND ngày *25/11/2019* của UBND tỉnh Thái Nguyên)

**SỐ LƯỢNG CẢ NHÂN, TỔ CHỨC PHÂN BỐ CHO CÁC SỞ, NGÀNH LẬP ĐỀ THAM GIA ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC  
XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC NĂM 2019**

TT	Tên đơn vị	Số mẫu được phân bố		Số lượng mẫu phải lập		Ghi chú
		Chính thức	Dự phòng	Chính thức	Dự phòng	
1	Ban Dân tộc tỉnh	10	5	10	5	
2	Ban Quản lý các khu Công nghiệp tỉnh	20	10	20	10	
3	Sở Ngoại vụ	20	10	20	10	
4	Sở Khoa học và Công nghệ	20	10	20	10	
5	Sở Thông tin và Truyền thông	20	10	20	10	
6	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	25	12	25	12	
7	Sở Xây dựng	20	10	20	10	
8	Thanh tra tỉnh	10	5	10	5	
9	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	20	10	0	0	
10	Sở Y tế	25	12	0	0	
11	Sở Công Thương	20	10	0	0	
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	20	10	0	0	
13	Sở Giao thông Vận tải	25	12	0	0	

- Các sở không phải lập mẫu do Sở Nội vụ sẽ sử dụng số lượng mẫu dự phòng được lập theo Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh (có 11 sở, ngành được chọn để đo lường mức độ hài lòng về sự phục vụ hành chính – Sipas năm 2019 theo Kế hoạch số 124/KH-UBND).

14	Sở Tư pháp	20	10	0
15	Sở Nội vụ	20	10	0
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25	12	0
17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	20	10	0
18	Sở Tài chính	20	10	0
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	20	10	0

- Trường hợp số mẫu đã lập theo Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 30/9/2019 được Cục Thống kê tỉnh sử dụng hết cho công tác điều tra xác định chỉ số hài lòng năm 2019 (Sipas), các sở, ngành sẽ phải lập đủ số lượng mẫu theo phân bổ tại phụ lục VI này.

**PHỤ LỤC VII**  
**ĐOI TƯỢNG VÀ SỐ LƯỢNG BAN ĐẠI BIỂU CÔNG CHỨC THAM GIA ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC**  
**XÃ HỘI HỌC SỐ CCHC NĂM 2019**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 11/2019-KH/UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*



Chỉ số CCHC số, ngành		Chỉ số CCHC UBND cấp huyện	
Đối tượng tham gia đánh giá	Số lượng (người)	Đối tượng tham gia đánh giá	Số lượng (phiếu)
Bí thư, PBT TT Tỉnh ủy	02	Bí thư, PBT .TT Tỉnh ủy	02
Lãnh đạo UBND tỉnh (CT, các PCT)	04	Lãnh đạo UBND tỉnh (CT, các PCT)	04
TT. HĐND tỉnh	8	TT. HĐND tỉnh	8
Đại biểu HĐND tỉnh	50	Đại biểu HĐND tỉnh	50
Trưởng các Ban xây dựng Đảng (5 ban: UBKT, NC, DV, TG, TC)	05	Trưởng các Ban xây dựng Đảng (5 ban: UBKT, NC, DV, TG, TC)	05
Chánh Văn phòng TU	01	Chánh Văn phòng TU	01
Chủ tịch UBNDTTQ	01	Chủ tịch UBNDTTQ	01
Chủ tịch Hội Phụ nữ tỉnh	01	Chủ tịch Hội Phụ nữ tỉnh	01
Chủ tịch Hội Cựu CB tỉnh	01	Chủ tịch Hội Cựu CB tỉnh	01
Chủ tịch LĐLĐ tỉnh	01	Chủ tịch LĐLĐ tỉnh	01
Bí thư tỉnh đoàn	01	Bí thư tỉnh đoàn	01
Lãnh đạo số, ngành	57 (3 người/số)	Lãnh đạo số, ngành	57 (3 người/số)
Trưởng phòng thuộc VP. UBND tỉnh	03	Trưởng phòng thuộc VP. UBND tỉnh	03
Trưởng phòng thuộc HĐND tỉnh	03	Trưởng phòng thuộc HĐND tỉnh	03
Trưởng các phòng thuộc sở	114 (6 người/số)	Trưởng các phòng thuộc sở	114 (6 người/số)
Người dân	380 (20 người/số)	TT. Huyện (thành, thị) ủy	27 (3 người/huyện)
		Phó Chủ tịch UBND cấp huyện	18 (2 người/huyện)
		Đại biểu HĐND huyện	90 (10 người/huyện)
		Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh,	10 người
		Hội doanh nghiệp các huyện, TP, TX	45 (5 người/huyện)
<b>Cộng</b>		<b>Cộng</b>	
	<b>632</b>		<b>442</b>

